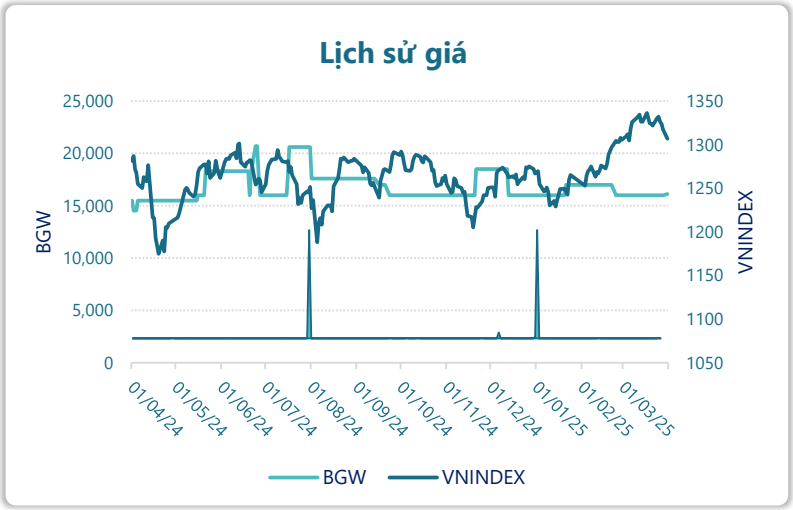
FireAnt

CTCP Nước sạch Bắc Giang (UPCOM: BGW)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,531
SL cổ phiếu LH	18,149,446
KLGD BQ 20 phiên (CP)	600
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	292
P/E	24.4
EPS	659

DT thuần

Q1/25

45.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.50| -3.1%

YoY: ▲ 6.70| 17.3%

LN sau thuế

Q1/25

2.03

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.94| -31.8%

YoY: ▲ 0.48| 30.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

8.3%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

2024

180

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.00| 5.4%

LN sau thuế

2024

11.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.20| -2.0%

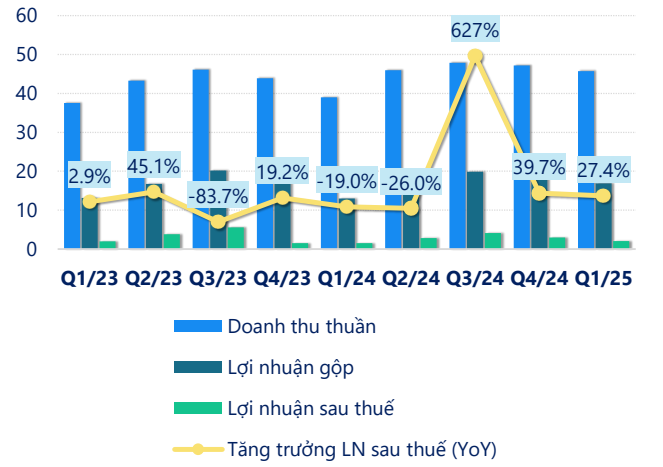
ROE

2024

6.0%

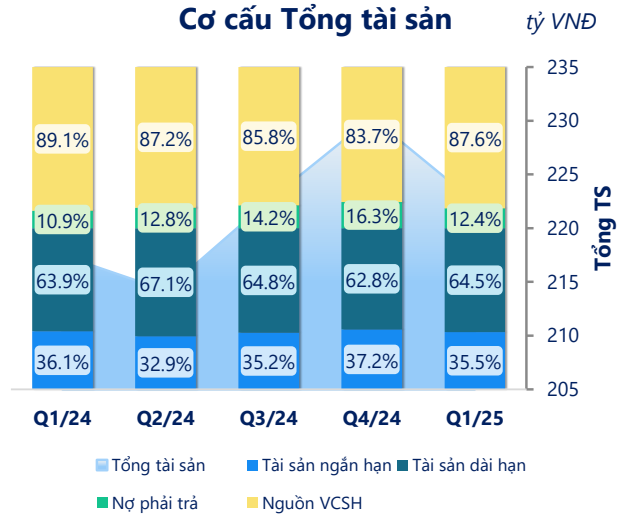
+/- YoY: ▼ 0.1%

Kết quả kinh doanh



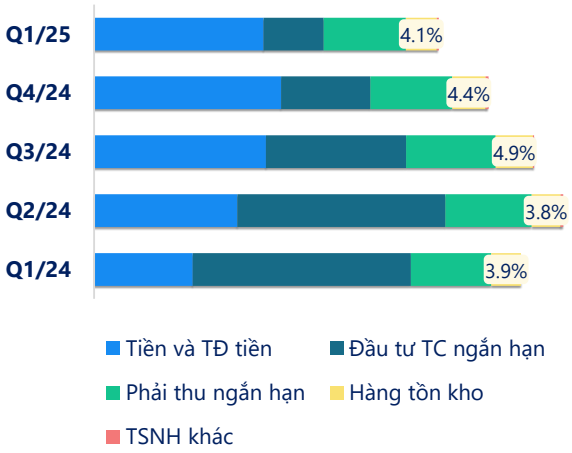
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



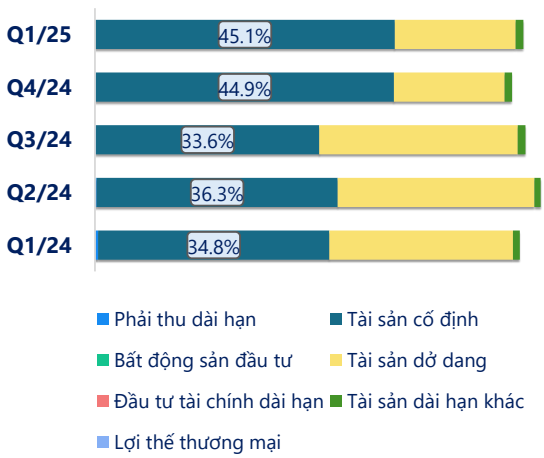
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



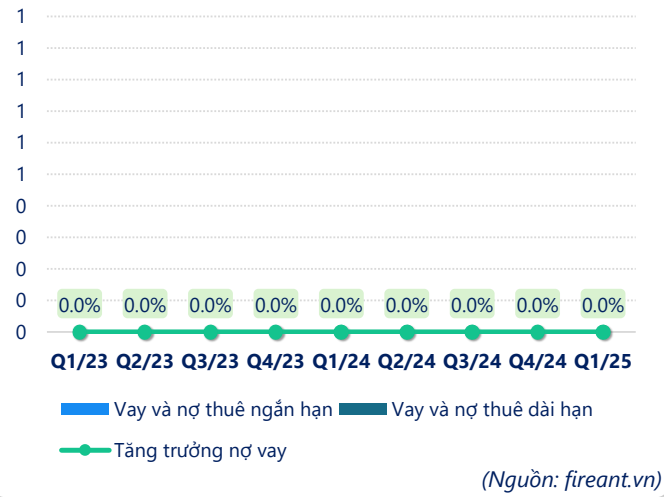
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



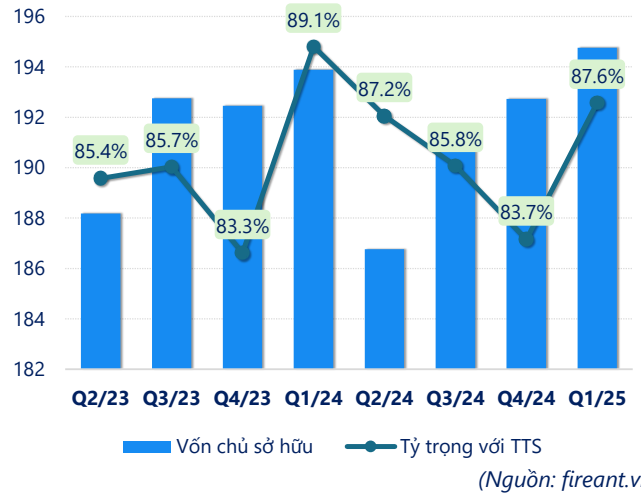
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



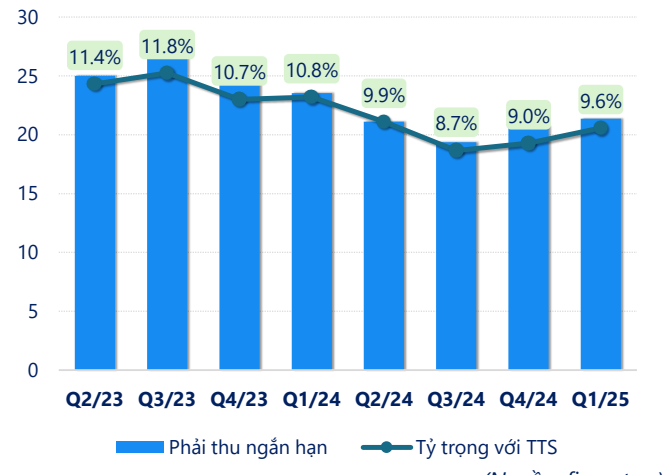
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



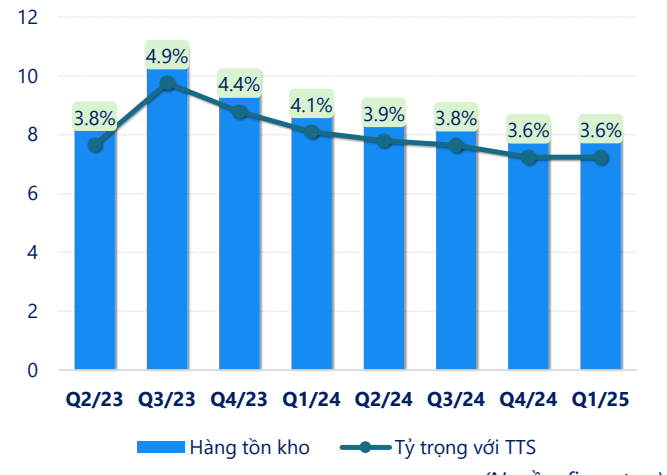
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



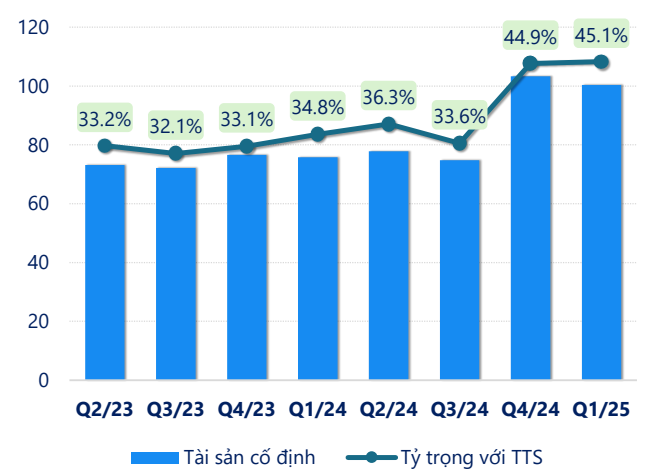
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



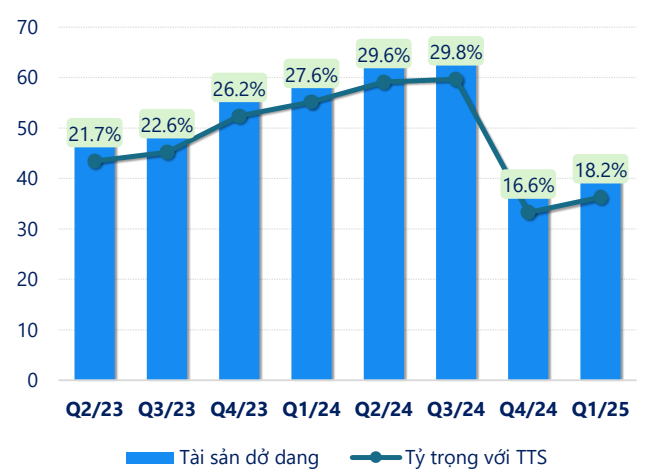
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



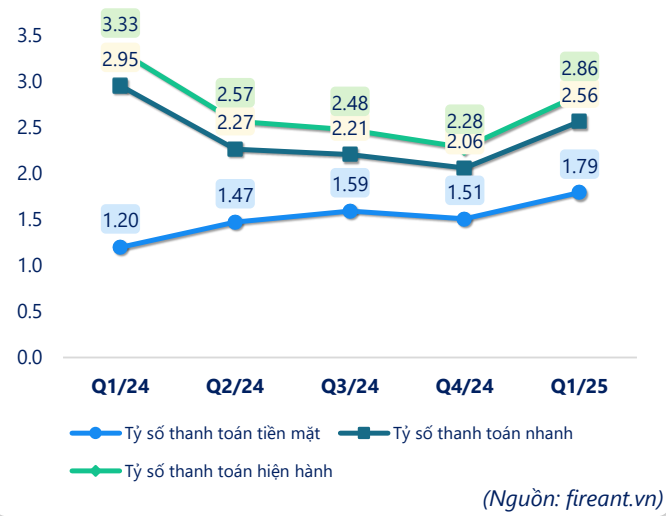
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



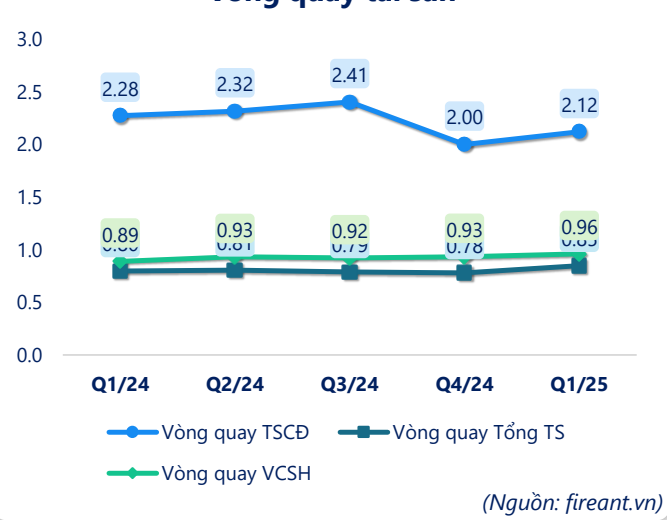
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**217**	**214**	**223**	**230**	**222**
Tài sản ngắn hạn	**78.5**	**70.5**	**78.4**	**85.7**	**79.0**
Tiền và tương đương tiền	28.3	40.4	50.4	56.7	49.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.2	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	23.5	21.1	19.4	20.7	21.4
Hàng tồn kho	8.81	8.35	8.51	8.33	8.06
Tài sản ngắn hạn khác	0.65	0.70	0.13	0	0
Tài sản dài hạn	**139**	**144**	**144**	**145**	**143**
Phải thu dài hạn	0.99	0.49	0.39	0.29	0
Tài sản cố định	75.7	77.8	74.7	103	100
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	60.0	63.3	66.4	38.3	40.4
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.23	2.08	2.64	2.67	2.65
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**23.6**	**27.5**	**31.7**	**37.6**	**27.7**
Nợ ngắn hạn	**23.6**	**27.5**	**31.7**	**37.6**	**27.7**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.74	1.48	0.34	0.63	0.26
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**194**	**187**	**191**	**193**	**195**
Vốn chủ sở hữu	**194**	**187**	**191**	**193**	**195**
Vốn điều lệ	181	181	181	181	181
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)